TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2023/HC-PT
Ngày 16 tháng 8 năm 2023.
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 135/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1981/2023/QĐPT-HC ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Tôn Nữ Thị L, sinh 1940; địa chỉ: 209/4 Phan Đình P, Phường 2, Đà L, Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Phúc H, sinh 1966; ông Trịnh Sơn H, sinh 1970; địa chỉ: 209/4 Phan Đình P, Phường 2, Đà L, Lâm Đồng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Đình L1- Văn phòng Luật sư Tuệ Thanh- Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số 16 Trần L2, phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L; địa chỉ: Số 2 Trần Nhân T, Phường 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đà L; trụ sở: Số 2 Trần Nhân Tông, Phường 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND thành phố Đà L: Ông Bùi Bá T2, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà L (xin vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Số 04 đường Trần Hưng Đ, Phường 3, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm S, chức vụ: Phó Chủ tịch (xin vắng mặt).

4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: Tầng 3 Trung Tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T3, chức vụ: Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng: Ông Nguyễn Hữu H1, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

5. Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: Trung Tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng- 36 Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Trung, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang Sơn, chức vụ: Phó Giám đốc (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Ích P, sinh 1963; địa chỉ: 70 Lê Văn L3, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền*:* Bà Lê Kim X, địa chỉ: số 45 Cách Mạng Tháng T, Phường 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Huỳnh Th, Văn phòng Luật sư Nhân Tín, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)..

2. Bà Nguyễn Thị Như N, sinh 1975; địa chỉ: 8 bis Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án).

3. Ông Nguyễn Đức D, sinh 1979; bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh 1982; địa chỉ: 12 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

4. Ông Trương D1, sinh 1967; bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh 1979; địa chỉ: B24 Mạc Đỉnh Chi, Phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

5. Bà Đặng Thị N2, sinh 1964; địa chỉ: 25 Hùng V, Phường 10, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

6. Ông Ngô Huy H1, sinh 1976; bà Trần Nguyễn Lan A, sinh 1979; địa chỉ: 11 Khe S, Phường 10, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

7. Bà Võ Ngọc Mai T3, sinh 1973; ông Nguyễn Duy P, sinh 1976; địa chỉ: Khu phố Văn T, thị trấn Đinh V, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (xin vắng mặt).

8. Ông Lê Ích P2, sinh 1961; bà Trương Thị Kim L1, sinh 1967; địa chỉ: Hẻm 193 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh 1976; địa chỉ: 281/6 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

10. Bà Trần Thị Ngọc A1, sinh 1958; địa chỉ: 193/3 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

11. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: Tầng 2 Trung Tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng- 36 Trần P, Phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T4, chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt).

12. Ngân hàng TMCP K Việt Nam- Chi nhánh Lâm Đồng; trụ sở: Tòa tháp Techcombank, số 191 Bà T, Phường Lê Đại H, quận Hai Bà T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A2, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Ngọc Xuân Ngân, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K Việt Nam (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Xuân C3, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K Việt Nam (có mặt)

13. Ông Hà T5, bà Nguyễn Thị Hồng V; địa chỉ: số 193/4 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

14. Ông Võ Văn Đ, bà Huỳnh Thị T5; địa chỉ: số 193/4 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

15. Ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4; địa chỉ: số 193/4 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

16. Ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị L3; địa chỉ: số 193A/1 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thùy Phương A3; địa chỉ: 06 Ngô Sĩ L, phường Phương S1, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

18. Bà Võ Thị Thanh M, ông Đào Thanh T5 (đã chết); địa chỉ: số 193A Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

19. Ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4; địa chỉ: 195/10 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông, bà Võ Thị Thanh M, Huỳnh Thị T5, Nguyễn Ngọc T6, Nguyễn Thị A4, Võ Văn Đ, Võ Anh T6, Nguyễn Thị Lệ H4, Nguyễn Thị Kim C, Hà T5, Nguyễn Thị Hồng V, Trần Thị Ngọc A1, Nguyễn Văn C1, Lê Thị L3, Đặng Thị N2, Nguyễn Thị Như N, Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thùy Phương A3: Ông Lê Thanh N5, địa chỉ: 100/25A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

20. Ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7; địa chỉ: 193A/1 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng (xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là bà Tôn Nữ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ích P, bà Nguyễn Thị Như N, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Đặng Thị N2, ông Ngô Huy H1, bà Võ Ngọc Mai T3, ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Trần Thị Ngọc A1, Ngân hàng TMCP K Việt Nam (Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng), ông Hà T5, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Võ Văn Đ, bà Huỳnh Thị T5, ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4, ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị L3, ông Nguyễn Thanh S, bà Võ Thị Thanh M, ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4, ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - bà Tôn Nữ Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.650m^2 thuộc các lô 28, 29, 30, 31, 32, 33 bản đồ 10, Phường 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng của cụ Nguyễn Thị C2 *(mẹ bà L từ Huế vào Đà Lạt năm 1942*) sang nhượng lại công khai phá của ông Huỳnh Đắc B từ năm 1947; đến năm 1960 con trai của ông B *(anh Huỳnh Đắc K1*) lập giấy tờ tay để cụ C2 toàn quyền sử dụng đất.

Sau năm 1975, gia đình bà L vẫn tiếp tục sử dụng đất và đóng thuế đầy đủ; năm 1977 đưa vào Tập đoàn Đa Hòa *(tổ sản xuất 2 từ năm 1977-1981)*; đã đăng ký đo đạc ruộng đất ngày 20-12-1985. Sau khi Tập đoàn Đa Hòa giải thể *(tự tan rã)*, diện tích đất này vẫn được gia đình sản xuất *(UBND Phường 1 thành phố Đà L quản lý)*. Đến tháng 6-1986 UBND Phường 1 được chia tách nên diện tích đất nêu trên thuộc Phường 2, thành phố Đà L.

Năm 1985, do điều kiện kinh tế khó khăn, cụ C2 già yếu, chồng cụ C2 mất sớm, nên cụ C2 đồng ý để cho 03 anh em ông P, ông P2, ông C1 mượn đất để sản xuất trồng rau, cấy mô khoai tây làm ăn chia; thỏa thuận nếu lấy lại đất sẽ báo trước 04 tháng, không được cho thuê và cũng không được sang nhượng; văn bản "*Giấy ủy quyền*" ghi ngày 01-12-1985 nhưng cụ C2 không ký và cũng không điểm chỉ.

Một thời gian sau cụ C2 đòi lại đất để sử dụng thì ông P2, ông P, ông C1 không trả; cụ C2 khiếu nại đòi đất từ năm 1988 đến năm 1997 thì cụ C2 chết; sau đó bà L tiếp tục khiếu nại.

Khi biết được việc ông P chuyển nhượng diện tích trên cho những người khác, bà L đã dùng lưới B40 rào xung quanh và mua cây chuối để trồng trên đất từ ngày 07-5-2017 đến nay. Bà L đã khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết thỏa đáng nên đến tháng 7-2017 bà L khởi kiện tại Tòa án.

Ngày 28-11-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý vụ án số 57/2017/TLST-HC, những vấn đề bà Tôn Nữ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

+ Hủy Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L và các quyết định liên quan gồm:

+ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

- *Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:*

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L đứng tên ông Lê Ích P, đối với diện tích đất thửa 380 bản đồ 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Đặng Thị N2 đối với diện tích đất thửa 722 (thửa 380 tách ra phân lô số 01), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A đối với diện tích đất thửa 723 (thửa 380 tách ra phân lô số 02), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng, đăng ký biến động trang 4 ngày 03-7-2017 đứng tên Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P, đối với diện tích đất thửa 724 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 03).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 725 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 04).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406571 ngày 14-3-17 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C đối với diện tích đất thửa 726 bản đồ số 10 phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 05).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Thị Như N đối với diện tích đất thửa 727 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số số 06).

+ GCNQSDĐ số hiệu CC 298200 ngày 14-4-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ ông Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 381 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu số CD 464347 ngày 05-12-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc A1, đối với diện tích đất thửa 11 bản đồ 13 Phường 2, thành phố Đà L.

- Yêu cầu UBND thành phố Đà L ngưng cấp sổ đỏ cho bà Nguyễn Thị Kim C.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã đưa vụ án ra xét xử theo Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 27-11-2018. Sau đó, bản án bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 736/2019/HC-PT ngày 17-10-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 17-02-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý vụ án số 01/2020/TLST-HC và thụ lý bổ sung số 30/TB-TLBSVA ngày 20-4-2020. Qua các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy các quyết định hành chính sau:

+ Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13-8-2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giao đất ở bổ sung cho ông Lê Ích P;

+ Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

+ Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 25-7-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L;

+ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc cấp đất làm nhà ở trên địa bàn thành phố (cho ông Lê Ích P);

- Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ):

+ GCNQSDĐ số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L đứng tên ông Lê Ích P, đối với diện tích đất thửa 380 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Đặng Thị N2 đối với diện tích đất thửa 722 (thửa 380 tách ra phân lô số 01), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A đối với diện tích đất thửa 723 (thửa 380 tách ra phân lô số 02), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên ông Trương D1, đăng ký biến động trang 4 GCNQSDĐ ngày 03-7-2017 đứng tên Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P, đối với diện tích đất thửa 724 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 03).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 725 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 04).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406571 ngày 14-3-17 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C đối với diện tích đất thửa 726 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 05).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Thị Như N đối với diện tích đất thửa 727 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số số 06).

+ GCNQSDĐ số hiệu CC 298200 ngày 14-4-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ ông Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 381 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu số CD 464347 ngày 05-12-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc A1, đối với diện tích đất thửa 11 bản đồ 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407957 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Văn Đ- Huỳnh Thị T5, đối với diện tích đất thửa 401 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407956 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Thị Thanh M - Đào Thanh T5 (chết), đối với diện tích đất thửa 402 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407503 ngày 02-11-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Anh T6- Nguyễn Thị Lệ H4, đối với diện tích đất thửa 403 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CL 550704 ngày 29-5-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Hà T5- Nguyễn Thị Hồng V, đối với diện tích đất thửa 13, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546097 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1- Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 14, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546098 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1- Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 387 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 464887 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Ngọc T6- Nguyễn Thị A4, đối với diện tích đất thửa 386 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 454965 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Châu Văn T6- Lưu Thị T7, đối với diện tích đất thửa 385 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CO 991234 ngày 16-5-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C, đối với diện tích đất thửa 10, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 498 NĐ/XD ngày 03-02-1986 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1- Lê Thị L3.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu nào khác.

Người bị kiện - UBND Đà Lạt và Chủ tịch UBND thành phố Đà L **trình bày:**

Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc cấp đất làm nhà ở trên địa bàn thành phố (cho ông Lê Ích P).

Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 25-7-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L.

Việc bà L (con gái cụ C2) yêu cầu đòi lại phần diện tích 1.100m^2 thuộc các thửa số 28, 29, 30, 31 bản đồ 10 Phường 2, Đà Lạt đối với các hộ dân tại Hẻm 193 Phan Đình P lấn chiếm, sử dụng; đã được UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại Quyết định số 2872/QĐ-UBND-KN ngày 18-10-2005 (sau đây viết tắt QĐ số 2872/QĐ-UBND-KN) về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Ích P với nội dung: *"... Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất mà ông Lê Ích P đang sử dụng 623,68m^2 trong đó có 186m^2 là đất ở đã được UBND thành phố Đà lạt giao theo Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 03-4-1992, diện tích còn lại 437,6m^2 là đất nông nghiệp thuộc đất công sản. Do vậy, nếu ông P muốn sử dụng phần diện tích đất nông nghiệp này để xây dựng công trình thì phải làm*

thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất theo giá quy định hiện hành... Các văn bản trước đây trái với nội dung Quyết định này đều bị bãi bỏ...".

Ngoài ra, tại Quyết định số 2872/QĐ-UBND-KN còn có nội dung: *"...Việc bà L (con gái bà C2) khiếu nại tranh chấp 1.100m^2 tại các thửa số 28, 29, 30, 31 bản đồ 10 phường 2, Đà Lạt (trong đó có hộ ông Lê Ích P sử dụng 623,68m^2) là không có cơ sở để xem xét giải quyết vì nguồn gốc lô đất trên trước năm 1975 là của ông Võ Đình Dung cho ông Huỳnh Đức B thuê, bà C2 là người thuê lại của ông Huỳnh Đức B. Sau giải phóng năm 1975, do Tập đoàn sản xuất Đa Hòa quản lý và đăng ký kê khai, gia đình bà C2 được tập đoàn Đa Hòa giao sử dụng diện tích trên nhưng sau đó bà không sử dụng, theo sổ mục kê lập năm 1990, bà C2 chỉ đăng ký kê khai đăng ký 320m^2 thuộc thửa đất số 28 nhưng lại ghi là đất hoang; diện tích còn lại các hộ khác chiếm sử dụng, kê khai đăng ký và nộp thuế sử dụng từ năm 1990 cho đến nay..."*

Do đó, trong quá trình rà soát lại vụ việc của bà L, Chủ tịch UBND thành phố Đà L đã căn cứ QĐ 2872/QĐ-UBND-KN để ban hành QĐ số 2157/QĐ-UBND giao bổ sung 374,16m^2 đất ở còn lại thuộc một phần thửa 380, bản đồ 10, Phường 2 thành phố Đà L cho ông Lê Ích P. Căn cứ vào đó, UBND thành phố Đà L ban hành QĐ số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 về việc phê duyệt phương án phân lô tại thửa 380 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L là căn cứ theo QĐ 2872/QĐ-UBND-KN, GCNQSDĐ số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 là đúng quy định pháp luật.

Sau khi phê duyệt phân lô (06 lô), ông P đã chuyển nhượng lại cho các ông bà Đặng Thị N2; Nguyễn Thị Như N; Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1; Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A; Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C. Những người nhận chuyển nhượng QSD đất đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và được cấp sổ đỏ là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà L yêu cầu hủy Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992, Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 25-7-2002, Văn bản số 919/UBND ngày 17/02/2017; Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND thành phố Đà L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Việc cụ Nguyễn Thị C2 (sau này con gái là bà Tôn Nữ Thị L) khiếu nại tranh chấp đất đai với các hộ dân về QSD diện tích 1.110m^2 tại các thửa 28, 29, 30, 31, tờ bản đồ 02 Phường 2, thành phố Đà L lập năm 1985 (trong đó có hộ ông Lê Ích P sử dụng 623,68m^2) là không có cơ sở xem xét vì các lý do sau:

Về nguồn gốc, trước năm 1975, các thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của ông Võ Đình Dung, sau đó ông Võ Đình Dung cho ông Huỳnh Đắc B thuê. Cụ Nguyễn Thị C2 chỉ là người thuê lại từ ông Huỳnh Đắc B. Sau năm 1975, Tập đoàn sản xuất Đa Hòa quản lý, đứng tên kê khai đăng ký các thửa đất trên. Gia đình cụ Nguyễn Thị C2 được Tập đoàn sản xuất Đa Hòa giao sử dụng. Sau khi Tập đoàn sản xuất Đa Hòa tan rã, giải thể năm 1988- 1989, tại Sổ mục kê lập năm 1990 thể hiện cụ Nguyễn Thị C2 chỉ kê khai đăng ký 320m^2 đất thuộc thửa 28 nhưng thể hiện là đất hoang. Do hộ gia đình cụ Nguyễn Thị C2 không sử

dụng các thửa đất trên nên các hộ dân khác lấn chiếm, sử dụng, kê khai đăng ký, nộp thuế sử dụng đất từ năm 1990 đến nay.

Việc gia đình cụ Nguyễn Thị C2 cho rằng ông Lê Ích P chiếm sử dụng đất của gia đình cụ là không có cơ sở vì: Trước thời điểm năm 1992, tại Sổ mục kê thể hiện gia đình cụ chỉ kê khai, đăng ký sử dụng thửa đất số 28, diện tích 320m^2 nhưng lại ghi là đất hoang, còn gia đình ông Lê Ích P kê khai, đăng ký sử dụng các thửa 29, 30, 31 với diện tích 790m^2. Năm 1991, ông Lê Ích P đã làm đơn xin cấp đất làm nhà ở và được UBND thành phố Đà L cấp 186m^2 đất ở tại Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 03/4/1992. Theo kết quả đo đạc tờ bản đồ số 10, Phường 2 vào năm 1996, lô đất ông Lê Ích P đang sử dụng có diện tích 628,68m^2. Như vậy, ngoài 186m^2 đất ở được cấp, diện tích còn lại 437,68m^2 là diện tích ông Lê Ích P lấn chiếm, nhưng đất lấn chiếm đất công sản chứ không phải lấn chiếm đất của cụ Nguyễn Thị C2.

Tuy nhiên, trước đây, khi thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L (con gái cụ Nguyễn Thị C2) chưa làm rõ nguồn gốc đất, việc sử dụng, kê khai đăng ký của Tập đoàn sản xuất Đa Hòa, của cụ Nguyễn Thị C2 và của ông Lê Ích P nên Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) cho rằng diện tích 623,68m^2 đất của hộ ông Lê Ích P đang sử dụng là lấn chiếm của cụ Nguyễn Thị C2 nên đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản số 4273/UB ngày 23/12/2002 giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L với nội dung giải tỏa nhà và thu hồi toàn bộ 623,68m^2 đất hộ ông Lê Ích P đã sử dụng là chưa phù hợp. Dẫn đến, UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 1503/QĐ-UB ngày 01/8/2005 thu hồi và giải tỏa nhà đối với hộ ông Lê Ích P là chưa đúng quy định.

Việc UBND tỉnh ban hành hành Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18/10/2005 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Ích P là đúng quy định của pháp luật căn cứ theo các quy định tại Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Từ nội dung vụ việc và các căn cứ pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận đơn của bà Tôn Nữ Thị L khởi kiện Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Ích P.

Người bị kiện - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Ngày 01-12-2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà L nhận hồ sơ tách hợp thửa đất, các hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của ông Lê Ích P được Văn phòng công chứng Minh Tâm công chứng các số 4750, 4755, 4756, 4759, 4760, 4761 quyển số 43-TP/CC-SCC/KĐGD ngày 01-12-2016.

Trong thời gian giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà L nhận được đơn đề nghị khẩn cấp về việc ngăn chặn mua bán, tách thửa của bà L và văn bản số 8264/UBND ngày 09-12-2016 của UBND Đà Lạt về việc thẩm tra, đề xuất giải quyết đơn khiếu nại của bà L.

Ngày 16-12-2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà L có văn bản số 1909/VPĐKĐL về việc trả lời đơn và đề nghị bà L bổ sung văn bản của cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn theo quy định, đến ngày 28-12-2016 nếu không nhận được văn bản ngăn chặn, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố Đà L sẽ tiếp tục giải quyết hồ sơ tách thửa và chuyển nhượng QSD đất của ông Lê Ích P.

Ngày 16-01-2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà L có văn bản số 51/VPĐKĐĐ về việc sẽ tiếp tục giải quyết hồ sơ tách thửa và chuyển nhượng QSD đất của ông Lê Ích P.

Ngày 22-02-2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà L lập phiếu thẩm định hồ sơ và có kết luận, đề xuất "*Đủ điều kiện tách thửa và cấp đổi sang 06 giấy chứng nhận QSD đất mới cho bà Đặng Thị N2; Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A; Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1; Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C; Nguyễn Thị Như N*". Do đó, việc cấp các GCNQSDĐ nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L.

Người bị kiện - Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Việc sở ban hành Quyết định 498/NĐ/XD ngày 02/02/1986 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Lê Ích P2 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Ngọc A1 trình bày: Thửa đất số 11 bản đồ 13 (C69-IV-B-c), Phường 2, Đà Lạt có nguồn gốc của bà Trần Kiều (QĐ cấp đất số 139 ngày 20-9-1991), sau đó bà Kiều lập di chúc lại cho bà Ánh, bà Ánh đã được cấp GCNQSDĐ số hiệu CD 464347 ngày 05-12-2016, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Như N trình bày: Diện tích đất thửa 727 (theo phân lô 6) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P năm 2016; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng là hợp pháp, hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Diện tích đất thửa 726 (theo phân lô 5) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P năm 2016; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406571 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng là hợp pháp, hiện đang thế chấp tại ngân hàng Kỹ thương Việt Nam. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - vợ chồng ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày: Diện tích đất thửa 725 (theo phân lô 4) bản đồ 10

(C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P năm 2016; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng là hợp pháp, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không có cơ sở.

Đối với diện tích đất thửa 724 (theo phân lô 3) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng; đến ngày 03-7-2017 đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Trinh, ông Phước, đã đăng ký biến động trang 4 giấy chứng nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Ngọc Mai T3, ông Nguyễn Duy P trình bày: Diện tích đất thửa 724 (theo phân lô 3) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Dinh, bà Loan; đã đăng ký biến động trang 4 giấy chứng nhậnngày 03-7-2017. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Huy H1, bà Trần Nguyễn Lan A trình bày: Diện tích đất thửa 723 (theo phân lô 2) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P năm 2016; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng là hợp pháp, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đặng Thị N2 trình bày: Diện tích đất thửa 722 (theo phân lô 1) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông P năm 2016; sau đó được cấp sổ số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng là hợp pháp, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Ích P trình bày: Diện tích đất thửa 380 (sau này tách ra thành các thửa 722, 723, 724, 725, 726, 727) bản đồ 10 (C69-IV-B-c) thuộc QSD của ông P, đã được cấp GCNQSDĐ số BL 358122. Sau khi tách thửa đã chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ cho bà Nhung; ông Hoàng, bà Anh; ông Dinh (02 thửa); ông Dũng, bà Châu; bà Ngọc. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng: Không có Văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Ích P2; bà Trương Thị Kim L1: Đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (sau đây viết tắt Techcombank) trình bày:

- Theo HĐ thế chấp số LDG2017/0078/HĐTC ngày 24 tháng 3 năm 2017 giữa Ngân hàng Techcombank với bà Nguyễn Thị Như N, theo đó tài sản QSD diện tích đất thửa 727 được bảo đảm khoản vay gốc và nghĩa vụ khác phát sinh

theo HĐ tín dụng số LDG20160725/HĐTD ngày 12 tháng 12 năm 2016. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ trên là không chấp nhận.

- Theo HĐ thế chấp số LDG2017/0079/HĐTC ngày 24 tháng 3 năm 2017 giữa Ngân hàng Techcombank với vợ chồng ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, theo đó tài sản QSD diện tích đất thửa 726 được bảo đảm khoản vay gốc và nghĩa vụ khác phát sinh theo HĐ tín dụng số LDG20160724/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2016. Nay bà L khởi kiệu yêu cầu hủy GCNQSDĐ trên là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á Châu (sau đây viết tắt Ngân hàng ACB) trình bày:Ông Nguyễn Duy P, bà Võ Ngọc Mai T3 thực hiện thanh lý hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm tại ngân hàng Á Châu. Do đó, đề nghị Tòa án xác định ngân hàng Á Châu không phải là người liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Văn Đ, bà Huỳnh Thị T5 trình bày: Diện tích đất thửa 401 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L do ông Lê Ích P2 sang nhượng cho bà Châu Thị Thanh Vân và ông Võ Văn Hạnh, sau đó bà Vân ông Hạnh lập giấy sang nhượng lại cho bà Võ Thị Thanh M, bà Mỹ sang nhượng lại cho ông Võ Văn Đ và ông Đào đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấpGCNQSDĐ số hiệu CM 407957 ngày 21-12-2018, hiện nay không thế chấp.Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Thanh M, ông Đào Thanh T5 (đã chết) trình bày: Đối với diện tích đất thửa 402 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L do ông Lê Ích P2 sang nhượng cho bà Châu Thị Thanh Vân và ông Võ Văn Hạnh, sau đó bà Vân ông Hạnh lập giấy sang nhượng lại cho bà Mỹ và đã được đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CM 407956 ngày 21-12-2018 theo đúng quy định của pháp luật. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4 trình bày: Diện tích đất thửa 403 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L do ông Lê Ích P2 sang nhượng cho bà Châu Thị Thanh Vân và ông Võ Văn Hạnh, sau đó bà Vân ông Hạnh lập giấy sang nhượng lại cho bà Võ Thị Thanh M, bà Mỹ lập giấy tặng cho bà Võ Thị Thu Tuyết và bà Mỹ cùng bà Tuyết đã lập giấy tặng cho ông Võ Anh T6. Ông Tuấn đã lập hồ sơ đăng ký và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CM 407503 ngày 02-11-2018.Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hà T5, bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Diện tích đất thửa 13, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L có nguồn gốc do ông Võ Văn Thắng đăng ký và được UBND thành phố Đà L ban hành quyết định số 209/QĐ-UB ngày 08-12-1989 và sau đó cấp giấy phép xây dựng nhà ở gia đình cho ông Thắng. Sau đó, ông Thắng lập giấy sang nhượng đất

cho ông Hà T5, ông Tích đã thực hiện đăng ký và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CL 550704 ngày 29-5-2018. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị L3 trình bày: Diện tích đất thửa 14 và thửa 387 (gốc một phần thửa 14), tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L có nguồn gốc do ông C1 bà Liên tự khai phá sử dụng từ trước năm 1983 và đã thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vào sổ mục kê đất đai theo quy định. Ngày 03/02/1986 ông bà được Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp GCN quyền sở hữu nhà đất số 498.NĐ/XD trên diện tích đất này.

Quá trình sử dụng đất, ông bà đã lập thủ tục tặng cho một phần diện tích đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T6- bà Nguyễn Thị A4 và ông Châu Văn T6- bà Lưu Thị T7. Đến ngày 04-01-2018 ông bà được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CH 546097 đối với diện tích đất thửa 14 và GCNQSDĐ số hiệu CH 546098 đối với diện tích đất thửa 387 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4 trình bày: Diện tích đất thửa 386 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị L3 khai phá, sử dụng từ trước năm 1983 và đã thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vào sổ mục kê đất đai. Đến năm 2006, ông C1 bà Liên lập văn bản tặng cho nhà và đất cho ông Thuận bà Ánh và sau đó ông Thuận bà Ánh đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CD 464887 ngày 04-01-2018. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7 trình bày: Diện tích đất thửa 385 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị L3 khai phá, sử dụng từ trước năm 1983 và đã thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vào sổ mục kê đất đai. Đến năm 2007, ông C1 bà Liên lập văn bản tặng cho nhà và đất cho ông Thành bà Thoa và ông bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số hiệu CD 454965 ngày 04-01-2018 theo quy định, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Diện tích đất thửa 10 bản đồ 13 (C69-IV-B-c) có nguồn gốc của ông Cao Quảng Thùy (Cao Quảng Kẻng) quản lý sử dụng từ năm 1992 chuyển nhượng cho bà Cương năm 2006 (giáp với đất của bà Ánh). Đến 16-5-2019, bà Cương được UBND thành phố Đà L cấp GCNQSDĐ số CO 991234 theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, hiện nay không thế chấp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCN nêu trên thì bà Cương không đồng ý.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức đối thoại được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

"Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; khoản 2 Điều 173; các Điều 164, 191; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị L, đối với yêu cầu hủy:

+ Giấy chứng QSD đất số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 của UBND thành phố Đà L cấp đứng tên ông Lê Ích P.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CC 298200 ngày 14-4-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ ông Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 381 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu số CD 464347 ngày 05-12-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc A1, đối với diện tích đất thửa 11 bản đồ 13 Phường 2, thành phố Đà L.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị L; về "khiếu kiện QĐ giải quyết khiếu nại; Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai" yêu cầu hủy "QĐ hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai":

- Hủy Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L; các Quyết định số 1092/QĐ-UB ngày 25-7-2002 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L; QĐ số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 của UBND thành phố Đà L;

- Hủy các giấy chứng nhận QSD đất:

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên bà Đặng Thị N2 đối với diện tích đất thửa 722 (thửa 380 tách ra phân lô số 01), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A đối với diện tích đất thửa 723 (thửa 380 tách ra phân lô số 02), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, đăng ký biến động trang 4 sổ đỏ ngày 03-7-2017 đứng tên Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P, đối với diện tích đất thửa 724 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 03).

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 725 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 04).

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406571 ngày 14-3-17 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C đối với diện tích đất thửa 726 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 05).

+ Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên Nguyễn Thị Như N đối với diện tích đất thửa 727 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số số 06)"...

Bản án bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 736/2019/HC-PT ngày 17-10-2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Lý do: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23/10/2020, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị L về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai".

- Hủy các Quyết định hành chính sau:

+ Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

+ Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 25-7-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L;

+ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13-8-2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giao đất ở bổ sung cho ông Lê Ích P;

+ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc cấp đất làm nhà ở trên địa bàn thành phố (cho ông Lê Ích P);

- Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) sau:

+ GCNQSDĐ số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L đứng tên ông Lê Ích P, đối với diện tích đất thửa 380 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Đặng Thị N2 đối với diện tích đất thửa 722 (thửa 380 tách ra phân lô số 01), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A đối với diện tích đất thửa 723 (thửa 380 tách ra phân lô số 02), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên ông Trương D1, đăng ký biến động trang 4 GCNQSDĐ ngày 03-7-2017 đứng tên Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P, đối với diện tích đất thửa 724 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 03).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 725 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 04).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406571 ngày 14-3-17 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C đối với diện tích đất thửa 726 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 05).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Thị Như N đối với diện tích đất thửa 727 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số số 06).

+ GCNQSDĐ số hiệu CC 298200 ngày 14-4-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ ông Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 381 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu số CD 464347 ngày 05-12-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc A1, đối với diện tích đất thửa 11 bản đồ 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407957 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Văn Đ – Huỳnh Thị T5, đối với diện tích đất thửa 401 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407956 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Thị Thanh M - Đào Thanh T5 (chết), đối với diện tích đất thửa 402 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407503 ngày 02-11-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Anh T6 – Nguyễn Thị Lệ H4, đối với diện tích đất thửa 403 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CL 550704 ngày 29-5-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Hà T5 – Nguyễn Thị Hồng V, đối với diện tích đất thửa 13, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546097 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1 – Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 14, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546098 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1 – Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 387 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 464887 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Ngọc T6 – Nguyễn Thị A4, đối với diện tích đất thửa 386 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 454965 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Châu Văn T6 – Lưu Thị T7, đối với diện tích đất thửa 385 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CO 991234 ngày 16-5-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C, đối với diện tích đất thửa 10, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 498 NĐ/XD ngày 03-02-1986 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1- Lê Thị L3.

Liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự với Ngân hàng Techcombank; các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được và có đơn khởi kiện được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-11-2020, bà Tôn Nữ Thị L kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: buộc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền khôi phục quyền lợi hợp pháp cho gia đình bà, buộc công nhân quyền sử dụng đất của gia đình bà đối với toàn bộ diện tích đất thuộc các thửa mang số 28, 29, 30, 31, 32, 33 – tờ bản đồ số 2 – Phường 2 – thành phố Đà L.

Ngày 30-10-2020, ông Lê Ích P kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết gồm: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên.

Ngày 02-11-2020, ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7 kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa bản án sơ thẩm, không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 454965 ngày 04-01-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Châu Văn T6, Lưu Thị T7.

Ngày 04-11-2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa bản án sơ thẩm, không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406571 ngày 14-3-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C; không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406572 ngày 14-3-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Nguyễn Thị Như N.

Ngày 04-11-2020, ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1 kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: hủy bản án sơ thẩm về nội dung tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406570 ngày 14-3-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1.

Ngày 10-11-2020, bà Lê Thị L3, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị A4, Nguyễn Ngọc T6, Nguyễn Thị Hồng V, Hà T5, Nguyễn Thị Kim C, Võ Thị Thanh M, Võ Văn Đ, Võ Anh T6, Nguyễn Thị Lệ H4, Trần Thị Ngọc A1, Đặng Thị N2, Nguyễn Thị Như N, bà Huỳnh Thị T5 kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm giải quyết bao gồm: tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị L.

Ngày 10-11-2020, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: hủy bản án sơ thẩm về nội dung tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406571 ngày 14-3-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C.

Ngày 10-11-2020, ông bà Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: giải quyết lại toàn bộ vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 12-11-2020, ông Ngô Huy H1 kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: hủy bản án sơ thẩm về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 406568 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14-3-2017 cho ông Ngô Huy H1, bà Trần Nguyễn Lan A.

Ngày 16-11-2020, ông Nguyễn Thanh S kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa bản án sơ thẩm, không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 298200 do UBND thành phố Đà L cấp cho ông bà Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 (đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thùy Phương A3 ngày 14-11-2016).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị Phúc H và ông Trịnh Sơn H **trình bày:** Xác định bà Tôn Nữ Thị L chỉ khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy. Đồng thời, thừa nhận kháng cáo của bà L có một phần vượt quá phạm vi khởi kiện. Về nguồn gốc đất là của cụ C2, bị ông P, ông P2 và ông C1 chiếm sau đó chuyển nhượng cho nhiều người khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị khởi kiện là đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc cơ có thẩm quyền khôi phục quyền lợi hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với toàn bộ diện tích đất thuộc các thửa mang số 28, 29, 30, 31, 32, 33 – tờ bản đồ số 2 – Phường 2 – thành phố Đà L là thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, buộc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền khôi phục quyền lợi hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Luật sư Nguyễn Đình Long trình bày: Cụ C2 đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp, đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, không có căn cứ nào xác định cụ C2 thuê đất của UBND tỉnh lâm đồng như UBND thành phố Đà L trình bày. Người bị kiện cho rằng đất tranh chấp là đất công sản nhưng không xuất trình được quyết định nào trưng thu đất trong khi cụ C2 sử dụung đất từ trước năm 1945. Phía ông C1, ông P2, ông P không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc chuyển nhượng từ cụ C2 sang các ông này. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông P xác định Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 18-10-2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng là quyết định giải quyết khiếu nại về thu hồi đất của ông P nhưng nội dung quyết định lại giải quyết tranh chấp đất của bà C2; thẩm quyền giải quyết khiếu nại cũng không thuộc Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng vì chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Đà L, do đó Quyết định số 2872/QĐ-UBND vi phạm cả về nội dung và hình thức. Từ Quyết định số 2872/QĐ-UBND nêu trên mới phát sinh các quyết định khác nên các quyết định này cũng không đúng pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa buộc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền khôi phục quyền lợi hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên là chưa đảm bảo quyền lợi của bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L.

Ông Lê Thanh N5 trình bày: Thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định hành chính cá biệt đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết là trái quy định của pháp luật. Bà L kiện tranh chấp 1.100m^2 đất nhưng kiểm tra thực tế là 1800m^2, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vị trí đất ở đâu, do ai sử dụng là không đúng. Nguồn gốc đất do các cơ quan có thẩm quyền công nhận cho ông P, ông C1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nhàn đại diện là người nhận chuyển nhượng đất hợp pháp, ngay tình, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ông Trương D1 và bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày: ông Dinh và bà Loan là người nhận chuyển nhượng đất ngay tình, hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp nhận chuyển nhượng đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu bác khởi kiện của bà L.

Ông Ngô Huy H1 và bà Trần Nguyễn Lan A trình bày: ông Hoàng, bà Lan A nhận chuyển nhượng đất hợp pháp năm 2016; sau đó được Sở tài nguyên và

Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 đúng theo quy định pháp luật, hiện nay không thế chấp, việc tranh chấp giữa bà L với ông P, ông Hoàng bà Lan A không biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bà Lê Kim X trình bày: Về tố tụng, trong số các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L yêu cầu hủy có một số giấy chứng nhận đã được cập nhật quyền sở hữu nhà, một số giấy chứng nhận chưa cập nhật nhà nhưng có kèm giấy phép xây dựng, Tòa án cấp sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận này nhưng không giải quyết phần nhà trên đất là chưa triệt để. Về nội dung, ông P đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp, đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã hoàn thành thủ tục phân lô tách thửa. Tòa án cấp sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ảnh hưởng quyền lợi của ông P và những người nhận chuyển nhượng đất của ông P. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Luật sư Huỳnh Th trình bày: Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không giải quyết các tài sản trên đất là giải quyết chưa triệt để. Một số trường hợp như ông Sang, bà Phương A3 nhận chuyển nhượng đất từ ông P2 và đã được sang tên rên giấy chứng nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ hủy giấy chứng nhận của ông P2 là không đúng đói tượng. Ngoài ra, bản chất vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất nên phải giải quyết bằng một vụ án dân sự mới triệt để vụ án. Về nội dung, nguồn gốc đất trước năm 1975 thuộc quyền sở hữu của ông Võ Đình Dung, sau đó cho ông Huỳnh Đắc B thuê rồi giao lại cho cụ C2. Năm 1975, dù cụ C2 có đăng ký nhưng những hộ dân khác cũng đăng ký kê khai, sau đó đất này đưa vào tập đoàn. Tại sổ mục kê năm 1990 cụ C2 chỉ đăng ký 380m^2, các thửa đất còn lại là đất hoang. Do đó, người bị kiện xác định đất tranh chấp là đất công sản là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ông Nguyễn Xuân C3 trình bày: Ngân hàng TMCP K Việt Nam nhận thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Như N và vợ chồng ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy chế của Ngân hàng. Tại thời điểm nhận thế chấp, Ngân hàng không thể biết đất đang có tranh chấp nên Ngân hàng là bên thứ ba ngay tình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ các kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị Lcòn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Theo đơn khởi kiện, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan. Trong quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, Tòa áncấp sơ thẩm đã hướng dẫn cho người khởi kiện quyền lựa chọn khởi kiện vụ án dân sự để giải quyết triệt để vụ án. Tuy nhiên, người khởi kiện vẫn xác định chỉ khởi kiện vụ án hành chính và chỉ yêu cầu hủy các quyết định hành chính và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án hành chính theo yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có đơn xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc và thực tế sử dụng đất:

[2.1.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2020 (bút lục 3596) thể hiện: Có một phần diện tích đất gia đình bà L đã rào bằng giây thép gai, trồng cây chuối; phần còn lại là nhà ở, hiện một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đang sinh sống trên đất.

[2.1.2] Tại Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất (bút lục 3602) thể hiện tổng diện tích đo vẽ là 1.802,35m^2, đúng với vị trí diện tích đất 1.650m^2 cụ Nguyễn Thị C2 thể hiện tại sơ đồ lô đất ngày 16/6/1992 do Sở nông lâm thủy lập (bút lục 182). Toàn bộ diện tích đất theo họa đồ này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đối tượng khởi kiện của vụ án.

[2.1.3] Về nguồn gốc diện tích đất 1.650m^2 tại các thửa 28, 29, 30, 31 và

32, 33 tờ bản đồ số 10, Phường 2, thành phố Đà L được thể hiện:

- Sơ đồ lô đất của hộ cụ Nguyễn Thị C2 (bút lục 182) thể hiện hồ sơ lập tại Phường 1, ngày 24-01-1986 và được UBND duyệt ngày 08-4-1986, hộ cụ C2 gồm các thửa 28, 29, 30, 31 và 2 thửa 32, 33 (chưa đăng ký) có tổng diện tích 1.650m^2; có xác nhận của Sở nông lâm thủy đóng dấu.

- Theo sổ đăng ký ruộng đất Quyển số 1A lập ngày 24-1-1986 (bút lục 271) thể hiện: thửa số 28 diện tích 320m^2 ghi tên Nguyễn Thị C2; thửa 29, 30, 31 diện tích 790m^2 ghi tên Lê Ích P; thửa 32 và 33 diện tích 514m^2 ghi tên Sơnt có tổng diện tích là 1650m^2; bút lục 274, 273 thể hiện hộ cụ Nguyễn Thị C2 đăng ký các thửa 28, 29, 30, 31 có tổng diện tích 1.110m^2; bút lục số 272 thể hiện thửa 28, 29, 30, 31 có tổng diện tích 1.106m^2 ghi tên ông Lê Ích P. Như vậy, việc đăng ký tên trên sổ đăng ký ruộng đất trên là không chính xác, có sự mâu thuẫn và chồng chéo nhau. Tại bút lục số 272 và 273 cũng có nội dung *"Ghi chú: trích trong sổ mục kê. Không duyệt"*. Tuy nhiên, cần xác định nội dung các bút lục số 273, 274 thể hiện hộ cụ Nguyễn Thị C2 đăng ký các thửa 28, 29, 30, 31 có tổng diện tích 1.110m^2 phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Tại thông báo số 25/TB-UBND ngày 31-5-1995 của UBND thành phố Đà L về việc giải quyết tranh chấp đất đai tại Hẻm 193 Phan Đình P, Phường 2; giữa cụ Nguyễn Thị C2 và các hộ đang sử dụng, trong đó có nội dung *"Công nhận công khai phá và đầu tư vào 1.100m^2 đất gồm các lô mang số 28,29,30,31 đã đăng ký tại hồ sơ 299/TTg ngày 24-01-1986 tọa lạc tại hẻm 193 Phan Đình P, Phường 2 cho bà Nguyễn Thị C2"*.

- Công văn số 4273/UBND ngày 23-12-2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L có nội dung "*Đề nghị UBND thành phố Đà L yêu cầu các hộ sử dụng đất (trừ hộ ông Lê Ích P) mà bà L đang khiếu nại phải có nghĩa vụ thỏa thuận đền bù cho hộ bà L theo đúng nội dung thông báo số 25/TB-UBND ngày 31-5-1995; riêng phần đất ông P lấn chiếm của bà C2 để xây dựng nhà và công trình trái phép phải giải tỏa thu hồi theo đúng quy định*".

- Công văn số 3037/UBND ngày 20-11-2003 của UBND thành phố Đà L về việc giải quyết khiếu nại của bà L, trong đó có nội dung "*UBND Phường 2 thực hiện công văn số 4273/UBND ngày 23-12-2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng và Thông báo số 25/TB-UBND ngày 31-5-1995 của UBND Đà Lạt*".

- Công văn số 2322/UBND ngày 14-9-2004 của UBND thành phố Đà L về việc giải quyết khiếu nại của bà L, trong đó "*Yêu cầu UBND phường 2 triển khai thực hiện nội dung giải quyết khiếu nại tại thông báo số 25/TB-UBND ngày 31-5-1995 của UBND Đà Lạt"*.

- Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 09-11-2004 của UBND Phường 2 về việc giải quyết thỏa thuận đền bù cho hộ bà L theo chỉ đạo của UBND thành phố Đà L tại công văn số 2322/UBND ngày 14-9-2004 của UBND thành phố Đà L.

- Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 01-8-2005 của UBND thành phố

Đà L về việc thu hồi đất của ông Lê Ích P tại Hẻm 193 Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L.

- Lời trình bày của ông Lê Ích P ngày 25-8-2005 làm việc tại Thanh tra tỉnh thể hiện "*Ông P, ông P2, ông C1 mua của cụ C2*". Như vậy, ông P2 đã thừa nhận đất tranh chấp là tài sản của cụ C2, nên ông P2 mới phải thực hiện giao dịch dân sự đó là mua lại đất của cụ C2. Tuy nhiên, ông P không cung cấp được tài liệu chứng minh cho việc ông P2 có mua đất của cụ C2. Hơn nữa, tại giấy ủy quyền mượn đất ngày 01-12-1985 (bút lục 138) có nội dung ông P, ông P2, ông C1 mượn đất của cụ C2. Như vậy, giấy ủy quyền mượn đất này cho thấy ông P ông C1 ông P2 thừa nhận đất tranh chấp là của cụ C2. Bà Lê Thị L3 cho rằng nguồn gốc diện tích đất 1.650m^2 (theo đo đạc hiện nay là 1.802,35m^2) là của cụ Nguyễn Thị C2 và gia đình bà Liên mua lại của cụ C2 vào năm 1983 với giá 20 triệu đồng. Tuy nhiên, bà Liên cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc mua bán trên và lời trình bày về việc mua lại đất từ cụ C2 cũng không được đại diện của bà L thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận khai nhận này của bà Liên.

[2.1.4] Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất 1.650m^2 tại các thửa 28, 29, 30, 31 và 32, 33 tờ bản đồ số 10, Phường 2, thành phố Đà L có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị C2. Ông P2, ông P, ông C1 cho rằng đất mua của cụ C2 nhưng không xuất trình được bất kỳ tài liệu nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Lê Ích P, Lê Ích P2, Lê Thị L3, Nguyễn Văn C1 đối với diện tích đất nêu trên là trái quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị L, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị kiện là có căn cứ.

[2.2] Xét các văn bản, quyết định hành chính có liên quan:

[2.2.1] Cụ C2 khiếu nại đòi lại đất liên tục từ năm 1988 đến năm 1997 thì cụ C2 chết; sau đó bà L là con của cụ C2 tiếp tục khiếu nại.

[2.2.2] Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc cấp đất làm nhà ở trên địa bàn thành phố (cho ông Lê Ích P) không đúng nguồn gốc đất là trái với quy định của pháp luật.

[2.2.3] Quyết định số 1092/2002/QĐ-UB cho rằng bà L "*Không được quyền khiếu nại, không được thừa kế*" là không đúng. Bởi lẽ cụ C2 và bà L có quan hệ huyết thống, có cùng trong hộ khẩu (bút lục 167, 871) trong khi đó Điều 76 Luật đất đai năm 1993 quy định: "*đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, sau khi chết thì quyền sử dụng đất của họ được để lại cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật thừa kế*"; *nếu trong hộ có thành viên chết thì các thành viên khác trong hộ được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất mà Nhà nước đã giao cho hộ. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào thì Nhà nước thu hồi đất*".

[2.2.4] Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 18-10-2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng có nội dung *"Giữ nguyên hiện trạng đất mà ông lê Ích P đang sử*

dụng là 623,68m^2 trong đó có 186m^2 là đất ở đã được UBND thành phố Đà L giao theo Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 03-4-1992, diện tích còn lại 437,6m^2 là đất nông nghiệp thuộc đất công sản…". Như vậy, tại thời điểm giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Lê Ích P và bà Tôn Nữ Thị L thì ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 186m^2. Tuy nhiên, UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết việc tranh chấp đất đai này là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định 2872/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ.

[2.2.5] Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của UBND thành phố Đà L cho rằng "*Đã giải quyết tại QĐ số* 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 *về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Ích P là quyết định cuối cùng có liên quan đến nội dung đòi lại đất của bà Tôn Nữ Thị L*". Ngoài ra, tại văn bản này còn đề cập đến việc ông P được cấp sổ đỏ số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014; Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 về phê duyệt phân lô tại thửa 380, bản đồ số 10, Phường 2, Đà Lạt trên tổng diện tích 560,16m^2 thành 06 lô và hiện nay ông P đã chuyển nhượng cho những người khác là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các Quyết định số 1092/2002/QĐ-UB ngày 25-7-2002 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L; Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13-8-2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giao đất ở bổ sung cho ông Lê Ích P đều là các quyết định có liên quan trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ các quyết định này là đúng quy định pháp luật.

[2.2.6] Quá trình ông P2, ông P, ông C1 sử dụng đất đã chia tách diện tích đất trên thành nhiều thửa đất mới và chuyển nhượng cho nhiều người, cụ thể:

- Ông Lê Ích P sử dụng thửa 380, năm 2016 tách thành 06 thửa nhỏ và chuyển nhượng cho: Đặng Thị N2 (thửa 722); Ngô Huy H1 - Trần Nguyễn Lan A (thửa 723); Trương D1- Nguyễn Thị Kim L1 (thửa 724, 725); Nguyễn Đức D- Nguyễn Thị Ngọc C (thửa 726) và Nguyễn Thị Như N (thửa 727). Năm 2017, ông bà Dinh, Loan chuyển nhượng thửa 724 cho Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P. Tất cả các ông bà trên sau khi nhận chuyển nhượng đều đã được cấp GCNQSDĐ, hiện trạng vẫn là đất trống, chưa xây dựng.

- Ông Lê Ích P2, bà Trương Thị Kim L1 sử dụng thửa 381, thửa 10, 11, 12, 13. Trong đó, thửa 381 đã cấp GCNQSDĐ cho ông bà P2, Loan; thửa 10 chuyển nhượng giấy tay cho bà Nguyễn Thị Kim C; thửa 11 chuyển nhượng giấy tay cho bà Trần Thị Ngọc A1; thửa 13 chuyển nhượng giấy tay cho Hà T5- Nguyễn Thị Hồng V; thửa 12 chuyển nhượng giấy tay cho Châu Thị Thanh Vân- Võ Văn Hạnh và Vân- Hạnh đã thực hiện tách thành 3 thửa, chuyển nhượng cho Võ Văn Đ- Huỳnh Thị T5 (thửa 401), Võ Thị Thanh M - Đào Thanh T5 (thửa 402), Võ Anh T6- Nguyễn Thị Lệ H4 (thửa 403). Tất cả các chủ sử dụng đất đã được cấp GCNQSDĐ, hiện trạng trên đất đã xây nhà và sử dụng ổn định.

- Ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị L3 sử dụng thửa 14, sau tách thành 03 thửa, trong đó: thửa 385 chuyển nhượng cho Châu Văn T6- Lưu Thị T7; thửa

386 chuyển nhượng cho Nguyễn Ngọc T6- Nguyễn Thị A4; thửa 387 C1- Liên đang sử dụng. Tất cả các chủ sử dụng đất đã được cấp GCNQSDĐ, hiện trạng trên đất đã xây nhà và sử dụng ổn định.

[2.3] Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Thị Phúc H yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa số 10 (bà Cương); thửa 11 (bà Ánh); thửa 12 (Dũng- Mỹ), tách ra thành 3 thửa: thửa 401 (Đào- Trí), thửa 402 (Mỹ -Trung), thửa 403 (Tuấn- Hiền); thửa 13 (Tích- Vân); thửa 14 (C1-Liên), tách ra thành 3 thửa: thửa 387 (C1-Liên), thửa 385 (Thành-Thoa), thửa 386 (Thuận-Ánh). Xét thấy, các thửa đất này đều nằm trong phần đất của cụ C2 như các tài liệu đã nêu trên, đất có tranh chấp đang trong thời gian Tòa án giải quyết nhưng UBND thành phố Đà L vẫn tiến hành cấp giấy chứng nhận cho các hộ là không đúng quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận này là phù hợp.

[2.4] Các vấn đề liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự với Ngân hàng Techcombank thì không có đương sự nào yêu cầu giải quyết, nên các bên tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[2.5] Đối với kháng cáo của bà L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền khôi phục quyền lợi hợp pháp và công nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L không đặt ra yêu cầu này tại cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015, trong phạm vi vụ án hành chính, Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện và các quyết định có liên quan, không có quyền công nhận quyền sử dụng đất cho bên đương sự nào nên yêu cầu nêu trên của bà L cũng không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án trong vụ án này. Bà L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác đối với các yêu cầu này. Do đó, kháng cáo nêu trên của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới có căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác toàn bộ kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.7] Khi Tòa án cấp phúc thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án này thì Ngân hàng K Việt Nam đã khởi kiện bà Nguyễn Thị Như N, ông Nguyễn Huỳnh Sáng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà L về khoản nợ vốn 976.245.577đ và hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết vụ án. Tại Tòa án nhân dân thành phố Đà L, đại diện ngân hàng cũng như bà Ngọc đều không cho Tòa án nhân dân thành phố Đà L

biết tài sản thế chấp là thửa đất 727 (gốc 380) diện tích 87,12m2, theo giấy chứng nhận QSDĐ số 406572 diện tích 87,12m^2 ... theo giấy chứng nhận QSDĐ số 406572 (số vào sổ GCN CS00321) do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/3/2007 cấp ngày 14/3/2007 có liên quan đến vụ án này, theo đó Tòa án nhân dân thành phố Đà L đã hòa giải thành. Tại Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà L có nội dung:

"Công nhận sự thỏa thuận... Bà Ngọc, ông Sáng trả nợ cho ngân hàng K Việt Nam tiền gốc và lãi 976.245.577đ...

Nếu bà Ngọc, ông Sáng không trả nợ thì Ngân hàng được yêu cầu phát mãi tài sản thửa đất 727 (gốc 380) TBD số 10 (C69-IV-B-a) tại 193, hẻm Phan Đình P, P 2, TP Đà Lạt.... diện tích 87,12m^2 ... theo giấy chứng nhận QSDĐ số 406572 (số vào sổ GCN CS00321) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/3/2007 để thu hồi nợ ...".

Hiện nay, Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà L đã bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Trường hợp kết quả xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên thì quyền lợi của Ngân hàng K Việt Nam được giải quyết như nhận định tại mục [2.4] của bản án này. Trong trường hợp Quyết định nêu trên không bị Tòa án cấp giám đốc thẩm hủy thì theo quy định tại Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Quyết định này vẫn có hiệu lực và phải được tôn trọng, thi hành. Khi đó, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 406572 (số vào sổ cấp GCN CS00321) do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/3/2007 cho bà Ngọc đã bị hủy bỏ bởi bản án hành chính này, nhưng tài sản là quyền sử dụng thửa đất 727 (gốc 380) TBD số 10 (C69-IV-B-a) tại 193, hẻm Phan Đình P, Phường 2, thành phố Đà L, diện tích 87,12m^2 vẫn là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam và ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà L. Quyền lợi của bà L sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi bà L có yêu cầu.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Như N, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Đặng Thị N2, ông Ngô Huy H1, bà Võ Ngọc Mai T3, ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị Kim C, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng), ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4, ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4, ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7 phải chịu; bà Tôn Nữ Thị L, bà Võ Thị Thanh M, ông Hà T5, bà Trần Thị Ngọc A1, ông Võ Văn Đ, bà Lê Thị L3, ông Nguyễn Văn C1, ông Lê Ích P, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Huỳnh Thị T5, là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Tôn Nữ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ích P, bà Nguyễn Thị Như N, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Đặng Thị N2, ông Ngô Huy H1, bà Võ Ngọc Mai T3, ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Trần Thị Ngọc A1, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng), ông Hà T5, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Võ Văn Đ, bà Huỳnh Thị T5, ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4, ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị L3, ông Nguyễn Thanh S, bà Võ Thị Thanh M, ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4, ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị L về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai".

2.1. Hủy các Quyết định hành chính (không là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sau:

+ Văn bản số 919/UBND ngày 17-02-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 29-7-2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L;

+ Quyết định số 2872/QĐ-UBND-NC ngày 18-10-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

+ Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 25-7-2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Tôn Nữ Thị L;

+ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13-8-2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc giao đất ở bổ sung cho ông Lê Ích P;

+ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03-4-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc cấp đất làm nhà ở trên địa bàn thành phố (cho ông Lê Ích P);

2.2. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) sau:

+ GCNQSDĐ số hiệu BL 358122 ngày 12-3-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L đứng tên ông Lê Ích P, đối với diện tích đất thửa 380 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406567 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Đặng Thị N2 đối với diện tích đất thửa 722 (thửa 380 tách ra phân lô số 01), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406568 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Ngô Huy H1, Trần Nguyễn Lan A đối với diện tích đất thửa 723 (thửa 380 tách ra phân lô số 02), bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406569 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên ông Trương D1, đăng ký biến động trang 4 GCNQSDĐ ngày 03-7-2017 đứng tên Võ Ngọc Mai T3, Nguyễn Duy P, đối với diện tích đất thửa 724 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 03).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406570 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Trương D1, Nguyễn Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 725 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 04).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406571 ngày 14-3-17 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Đức D, Nguyễn Thị Ngọc C đối với diện tích đất thửa 726 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số 05).

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 406572 ngày 14-3-2017 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng đứng tên Nguyễn Thị Như N đối với diện tích đất thửa 727 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L (thửa 380 tách ra phân lô số số 06).

+ GCNQSDĐ số hiệu CC 298200 ngày 14-4-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ ông Lê Ích P2, Trương Thị Kim L1 đối với diện tích đất thửa 381 bản đồ số 10 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu số CD 464347 ngày 05-12-2016 của UBND thành phố Đà L cấp cho hộ bà Trần Thị Ngọc A1, đối với diện tích đất thửa 11 bản đồ 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407957 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Văn Đ – Huỳnh Thị T5, đối với diện tích đất thửa 401 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407956 ngày 21-12-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Thị Thanh M - Đào Thanh T5 (chết), đối với diện tích đất thửa 402 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CM 407503 ngày 02-11-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Võ Anh T6 – Nguyễn Thị Lệ H4, đối với diện tích đất thửa 403 (gốc một phần thửa 12) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CL 550704 ngày 29-5-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Hà T5 – Nguyễn Thị Hồng V, đối với diện tích đất thửa 13, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546097 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1 – Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 14, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CH 546098 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1 – Lê Thị L3, đối với diện tích đất thửa 387 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 464887 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Nguyễn Ngọc T6 – Nguyễn Thị A4, đối với diện tích đất thửa 386 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CD 454965 ngày 04-01-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho ông bà Châu Văn T6 – Lưu Thị T7, đối với diện tích đất thửa 385 (gốc một phần thửa 14) tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ GCNQSDĐ số hiệu CO 991234 ngày 16-5-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C, đối với diện tích đất thửa 10, tờ bản đồ số 13 Phường 2, thành phố Đà L.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 498 NĐ/XD ngày 03-02-1986 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông bà Nguyễn Văn C1- Lê Thị L3.

2.3. Liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự với Ngân hàng Techcombank; các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được và có đơn khởi kiện được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L, Ủy ban nhân dân thành phố Đà L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả cho người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị L số tiền 300.000 nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số 0005722 ngày 27-11-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Bà Tôn Nữ Thị L, bà Võ Thị Thanh M, ông Hà T5, bà Trần Thị Ngọc A1, ông Võ Văn Đ, bà Lê Thị L3, ông Nguyễn Văn C1, ông Lê Ích P, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Huỳnh Thị T5, là người cao tuổi nên được miễn. Hoàn trả cho ông Lê Ích P, bà Nguyễn Thị Hồng V, mỗi đương sự 300.000 đồng tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005120, số 0005111 cùng ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Nguyễn Thị Như N, ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Trương D1, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Đặng Thị N2, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Võ Anh T6, bà Nguyễn Thị Lệ H4, ông Nguyễn Ngọc T6, bà Nguyễn Thị A4, ông Châu Văn T6, bà Lưu Thị T7, ông Ngô Huy H1, ông Nguyễn Thanh S, bà Võ Ngọc Mai T3, ông Nguyễn Duy P, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng), mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mỗi người đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005107, 0005119, 0005118, 0005123, 0005122, 0005106, 0005110, 0005109, 0005108, 0005112, 0005113 cùng ngày 11/11/2020, số 0004098 ngày 05/11/2020, số 0004100 ngày 09/11/2020, số 0005126 ngày 13/11/2020, số 0005132 ngày 16/11/2020, số 0005136, 0005137 cùng ngày 20/11/2020, số 0005101 ngày 09/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
– VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
– Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
– Các đương sự (35);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 46b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Huynh